

TỈNH HẬU GIANG

PHỤ LỤC II

**BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM GỒM ĐẤT TRỒNG LÚA VÀ ĐẤT TRỒNG CÂY
HÀNG NĂM KHÁC; ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT)**

*(Kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	THÀNH PHỐ VỊ THANH	
1.1	Phường I	157
1.2	Phường III	157
1.3	Phường IV	157
1.4	Phường V	157
1.5	Phường VII	148
1.6	Xã Vị Tân	116
1.7	Xã Tân Tiến	116
1.8	Xã Hỏa Lựu	101
1.9	Xã Hỏa Tiến	101
2	THỊ XÃ LONG MỸ	
2.1	Phường Thuận An	135
2.2	Phường Trà Lồng	117
2.3	Phường Vĩnh Tường	99
2.4	Phường Bình Thạnh	99
2.5	Xã Long Bình	83
2.6	Xã Long Trị	83

2.7	Xã Long Trị A	83
2.8	Xã Long Phú	83
2.9	Xã Tân Phú	83
3	HUYỆN PHỤNG HIỆP	
3.1	Thị trấn Cây Dương	90
3.2	Thị trấn Kinh Cùng	90
3.3	Thị trấn Búng Tàu	83
3.4	Xã Thạnh Hòa	83
3.5	Xã Long Thạnh	83
3.6	Xã Tân Long	83
3.7	Xã Tân Bình	75
3.8	Xã Phương Bình	75
3.9	Xã Hòa Mỹ	75
3.10	Xã Hiệp Hưng	75
3.11	Xã Phương Phú	75
3.12	Xã Phụng Hiệp	75
3.13	Xã Hòa An	75
3.14	Xã Tân Phước Hưng	75
3.15	Xã Bình Thành	75
4	HUYỆN CHÂU THÀNH A	
4.1	Thị trấn Cái Tắc	165
4.2	Xã Tân Phú Thạnh	135
4.3	Thị trấn Rạch Gòi	135
4.4	Xã Thạnh Xuân	120
4.5	Thị trấn Một Ngàn	150
4.6	Thị trấn Bảy Ngàn	120
4.7	Xã Nhơn Nghĩa A	120
4.8	Xã Trường Long Tây	83

4.9	Xã Trường Long A	90
4.10	Xã Tân Hòa	98
5	HUYỆN LONG MỸ	
5.1	Xã Thuận Hưng	75
5.2	Xã Vĩnh Thuận Đông	75
5.3	Xã Thuận Hòa	75
5.4	Xã Xà Phiên	68
5.5	Xã Lương Tâm	68
5.6	Thị trấn Vĩnh Viễn	75
5.7	Xã Vĩnh Viễn A	68
5.8	Xã Lương Nghĩa	68
6	THÀNH PHỐ NGÃ BẢY	
6.1	Phường Ngã Bảy	168
6.2	Phường Lái Hiếu	168
6.3	Phường Hiệp Thành	168
6.4	Xã Đại Thành	117
6.5	Phường Hiệp Lợi	168
6.6	Xã Tân Thành	117
7	HUYỆN VỊ THỦY	
7.1	Thị trấn Nàng Mau	108
7.2	Xã Vị Thủy	93
7.3	Xã Vị Thanh	93
7.4	Xã Vị Bình	93
7.5	Xã Vị Đông	93
7.6	Xã Vị Trung	93
7.7	Xã Vị Thắng	83
7.8	Xã Vĩnh Thuận Tây	83
7.9	Xã Vĩnh Trung	83

7.10	Xã Vĩnh Tường	83
8	HUYỆN CHÂU THÀNH	
8.1	Thị trấn Ngã Sáu	143
8.2	Thị trấn Mái Dầm	135
8.3	Xã Đông Phú	135
8.4	Xã Đông Thạnh	135
8.5	Xã Phú Hữu	113
8.6	Xã Đông Phước	128
8.7	Xã Đông Phước A	128
8.8	Xã Phú Tân	113

PHỤ LỤC III

BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP (ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM)

*(Kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	THÀNH PHỐ VỊ THANH	
1.1	Phường I	193
1.2	Phường III	193
1.3	Phường IV	193
1.4	Phường V	193
1.5	Phường VII	184
1.6	Xã Vị Tân	147
1.7	Xã Tân Tiến	147

1.8	Xã Hỏa Lựu	132
1.9	Xã Hỏa Tiến	132
2	THỊ XÃ LONG MỸ	
2.1	Phường Thuận An	153
2.2	Phường Trà Long	135
2.3	Phường Vĩnh Tường	117
2.4	Phường Bình Thạnh	117
2.5	Xã Long Bình	98
2.6	Xã Long Trị	98
2.7	Xã Long Trị A	98
2.8	Xã Long Phú	98
2.9	Xã Tân Phú	90
3	HUYỆN PHỤNG HIỆP	
3.1	Thị trấn Cây Dương	120
3.2	Thị trấn Kinh Cùng	120
3.3	Thị trấn Búng Tàu	113
3.4	Xã Thạnh Hòa	113
3.5	Xã Long Thạnh	113
3.6	Xã Tân Long	113
3.7	Xã Tân Bình	105
3.8	Xã Phương Bình	105
3.9	Xã Hòa Mỹ	105
3.10	Xã Hiệp Hưng	105
3.11	Xã Phương Phú	105
3.12	Xã Phụng Hiệp	105
3.13	Xã Hòa An	105
3.14	Xã Tân Phước Hưng	105
3.15	Xã Bình Thành	105

4	HUYỆN CHÂU THÀNH A	
4.1	Thị trấn Cái Tắc	180
4.2	Xã Tân Phú Thạnh	165
4.3	Thị trấn Rạch Gòi	150
4.4	Xã Thạnh Xuân	135
4.5	Thị trấn Một Ngàn	180
4.6	Thị trấn Bảy Ngàn	135
4.7	Xã Nhơn Nghĩa A	135
4.8	Xã Trường Long Tây	98
4.9	Xã Trường Long A	105
4.10	Xã Tân Hòa	113
5	HUYỆN LONG MỸ	
5.1	Xã Thuận Hưng	90
5.2	Xã Vĩnh Thuận Đông	90
5.3	Xã Thuận Hòa	90
5.4	Xã Xà Phiên	83
5.5	Xã Lương Tâm	83
5.6	Thị trấn Vĩnh Viễn	98
5.7	Xã Vĩnh Viễn A	83
5.8	Xã Lương Nghĩa	83
6	THÀNH PHỐ NGÃ BẢY	
6.1	Phường Ngã Bảy	195
6.2	Phường Lái Hiếu	195
6.3	Phường Hiệp Thành	195
6.4	Xã Đại Thành	140
6.5	Phường Hiệp Lợi	195
6.6	Xã Tân Thành	140
7	HUYỆN VỊ THỦY	

7.1	Thị trấn Nàng Mau	116
7.2	Xã Vị Thủy	108
7.3	Xã Vị Thanh	108
7.4	Xã Vị Bình	108
7.5	Xã Vị Đông	108
7.6	Xã Vị Trung	108
7.7	Xã Vị Thắng	101
7.8	Xã Vĩnh Thuận Tây	101
7.9	Xã Vĩnh Trung	101
7.10	Xã Vĩnh Tường	101
8	HUYỆN CHÂU THÀNH	
8.1	Thị trấn Ngã Sáu	180
8.2	Thị trấn Mái Dầm	173
8.3	Xã Đông Phú	173
8.4	Xã Đông Thạnh	165
8.5	Xã Phú Hữu	158
8.6	Xã Đông Phước	158
8.7	Xã Đông Phước A	158
8.8	Xã Phú Tân	158